

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04/5/2023.

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lay.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2023 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 14/4/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1995. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Ông Trần Thái P, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Tổ 5, khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06/02/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Tôi và anh Trần Thái P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/4/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về tiền bạc, cuộc sống vợ chồng có nhiều xung đột, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Do mâu thuẫn trầm trọng cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên tôi có yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu ly hôn với anh Trần Thái P.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thái N, sinh ngày 19/5/2019, sau khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Thái P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Bị đơn anh Trần Thái P có địa chỉ tạm trú tại tổ 5, khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt chị N.

Bị đơn anh Trần Thái P đã được Tòa án triệu tập họp lệ các lần để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Thái P.

[2] Về nội dung: chị Nguyễn Thị Ngọc N và anh Trần Thái P sau thời gian tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/4/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới thì vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ruột chị N tại tổ 5, khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thương xuyên cãi vã về chuyện tiền bạc trong gia đình. Chị N đã nhiều lần khuyên can nhưng anh P không thay đổi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2022 đến nay. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh P.

Anh Trần Thái P đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N. Từ đó xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị N và anh P là trầm trọng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh P.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Thái N, sinh ngày 19/5/2019, sau khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu N còn rất nhỏ hiện đang ở cùng với chị N được chị N chăm sóc chu đáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về con chung, tiếp tục giao cháu N cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng, anh P chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc N. Cho chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với anh Trần Thái P.

2/. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thái N, sinh ngày 19/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Ngọc N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Trần Thái P chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị N chưa có yêu cầu.

Anh Trần Thái P được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở anh P thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/. Về án phí: chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đ án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017215 ngày 16/02/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, xem như đã nộp xong án phí.

4/. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- UBND xã B,
H. G, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Phan Thị Kim Thoa